Số: 267/TB-UBND
Thời gian ký: 2025-12-23T14:56:25+07:00

DANH SÁCH HỘ NGẬP LỤT VÀ THIỆT HẠI TÀI SẢN

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	KHU
1	NGUYỄN NGỌC TỔNG	1953	KHU 2
2	NGUYỄN VĂN TRUNG (ĐÁNG)	1984	KHU 2
3	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN (IN)	1960	KHU 2
4	PHẠM ĐĂNG TUYỂN	1985	KHU 2
5	VÕ VĂN MINH	1961	KHU 2
6	NGUYỄN THỊ NHỊ	1976	KHU 2
7	BÙI VĂN ĐÔNG	1974	KHU 2
8	LÊ QUỐC DŨNG	1971	KHU 2
9	PHẠM THỊ THU	1945	KHU 2
10	TRẦN PHIÊN	1967	KHU 2
11	LÊ QUANG VINH (THẾ)	1978	KHU 2
12	PHẠM NGỌC LANG	1946	KHU 2
13	NGUYỄN ĐỊNH	1970	KHU 2
14	PHẠM VĂN BÊ	1952	KHU 2
15	NGUYỄN DIỆN	1979	KHU 2
16	MẠNH THÔNG	1964	KHU 2
17	NGUYỄN MỎI	1960	KHU 2
18	PHẠM XUÂN HOAN	1977	KHU 2
19	NGUYỄN BẢY (VÂN)	1948	KHU 2
20	PHẠM THỊ THU THUỶ	1965	KHU 2
21	ĐẶNG HÂM	1930	KHU 2
22	NGUYỄN THỊ BÔNG (GÀ)	1963	KHU 2
23	NGUYỄN VĂN THẮNG (NHÂN)	1953	KHU 2
24	VÕ DÙM	1952	KHU 2
25	NGUYỄN VĂN CHÂU(BÃI)	1973	KHU 2
26	NGUYỄN THỊ SINH	1947	KHU 2
27	LÊ VĂN GIANG	1988	KHU 2
28	NGUYỄN THANH CƯỜNG(LỘN)	1982	KHU 2
29	ĐINH ĐẠI	1985	KHU 2
30	VĂN THỊ XÍ	1955	KHU 2
31	MẠNH PHONG	1976	KHU 2
32	MẠNH DŨNG	1971	KHU 2
33	MẠNH VĂN PHÚC	1990	KHU 2
34	MẠNH VĂN QUANG	1974	KHU 2
35	HUỲNH THỊ VÂN	1955	KHU 2
36	PHAN THANH LÂM	1985	KHU 2
37	PHẠM MINH TUẤN	1987	KHU 2
38	NGUYỄN THANH THẮNG	1975	KHU 2
39	NGUYỄN THANH KIỆT	1986	KHU 2
40	PHAN THỊ BÍCH PHƯƠNG	1980	KHU 2
41	NGUYỄN VĂN DŨNG(GÁI)	1964	KHU 2
42	NGUYỄN THANH(ĐE)	1956	KHU 2
43	NGUYỄN CƯỜNG (CƯƠNG)	1970	KHU 2
44	NGUYỄN BÌNH NHÂN (CƯƠNG)	2005	KHU 2
45	NGUYỄN THỊ TÂM	1969	KHU 2
46	NGUYỄN VĂN BA(ĐÀN)	1950	KHU 2
47	ĐỖ TRUNG TRỌNG	1965	KHU 2

48	ĐỖ THỊ HẠNH	1994	KHU 2
49	CAO THỊ THẢO LINH	1983	KHU 2
50	TỐNG VĂN BÍCH	1973	KHU 2
51	LÊ THỊ KHÁNH VY	1977	KHU 2
52	MẠNH PHI	1975	KHU 2
53	NGUYỄN THỊ MẠO	1980	KHU 2
54	TRẦN THỊ PHÙNG	1966	KHU 2
55	TRẦN BÉ	1956	KHU 2
56	LÊ VĂN THANH(PHI)	1984	KHU 2
58	NGUYỄN NGỌC ANH (BANG)	1967	KHU 2
59	HUỲNH TRỌNG NHIỆM	1975	KHU 2
60	NGUYỄN XUÂN LIÊM	1973	KHU 2
61	NGUYỄN NGỌC MỸ (XỨNG)	1988	KHU 2
62	NGUYỄN HẢO	1945	KHU 2
63	PHẠM HOÀ (THẮM)	1978	KHU 2
64	NGUYỄN NHỨT	1980	KHU 2
65	PHẠM TUẤN CẢNH	1985	KHU 2
66	PHẠM NGỌC	1973	KHU 2
67	PHẠM THÂN	1951	KHU 2
68	HUỲNH TRỌNG TIẾN	1965	KHU 2
69	PHẠM THỊ TUÂN	1963	KHU 2
70	HUỲNH LANG	1959	KHU 2
71	NGUYỄN THI LỆ	1942	KHU 2
72	NGUYỄN HEM	1981	KHU 2
73	TRẦN THỊ HƯƠNG(SƠN)	1983	KHU 2
74	NGUYỄN NGỌC(DÙM)	1980	KHU 2
75	HUỲNH VĂN CẢNH	1973	KHU 2
76	NGUYỄN NGỌC CỬ	1949	KHU 2
77	TRẦN VĂN HOÀ	1967	KHU 2
78	NGUYỄN NGỌC SƠN(EM)	1981	KHU 2
79	NGUYỄN TÁM(NGA)	1980	KHU 2
80	ĐỖ CU	1964	KHU 2
81	NGUYỄN MÁT	1988	KHU 2
82	NGUYỄN HOÀNG	1969	KHU 2
83	NGUYỄN LÊN	1950	KHU 2
84	NGUYỄN VĂN NGẦN	1969	KHU 2
85	NGUYỄN VĂN LẠI(HỒNG)	1980	KHU 2
86	TRẦN XUÂN	1976	KHU 2
87	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG(HIẾU)	1966	KHU 2
88	ĐỖ THỊ THUỲ MINH	1956	KHU 2
89	NGUYỄN HỮU BÌNH	1977	KHU 2
90	ĐINH THANH BÌNH	1979	KHU 2
91	ĐINH PHONG SƠN	1976	KHU 2
92	ĐỖ CHÍ QUỐC	1978	KHU 2
93	ĐÕ THỊ DIỄM	1992	KHU 2
94	ĐỖ VĂN CƯỜNG(DỨA)	1984	KHU 2
95	ĐỖ DỨA	1964	KHU 2
96	TÔ DƯ	1964	KHU 2
97	NGUYỄN TẠI	1949	KHU 2
98	NGUYỄN THỊ GÁI (NGUYÊN)	1961	KHU 2

99	ĐỖ QUỐC MỸ	1984	KHU 2
100	NGUYỄN VĂN LONG(TÁM)	1990	KHU 2
101	NGUYỄN PHI HÙNG(LÊN)	1986	KHU 2
102	PHẠM VĂN ĐỒNG	1990	KHU 2
103	NGUYỄN VĂN THƠM	1969	KHU 2
104	ĐỖ THANH NGHỊ	1976	KHU 2
105	TRẦN SÀNH	1952	KHU 2
106	NGUYỄN THỊ THƠM	1970	KHU 2
107	PHẠM KỲ BỒN	1988	KHU 2
108	TRẦN THỊ HIỀN(BÊ)	1957	KHU 2
109	VÕ THANH PHONG	1965	KHU 2
110	NGUYỄN NGỌC HÀ	1971	KHU 2
111	NGUYÊN THỊ KIM NGỌC	1968	KHU 2
112	NGUYỄN VĂN TỐT	1970	KHU 2
113	LÊ HUY CƯỜNG	1977	KHU 2
114	VÕ THỊ BÍCH PHƯƠNG	1978	KHU 2
115	NGUYỄN VĂN CÔNG (AN)	1968	KHU 2
116	NGÔ NGỌC TRỌNG	1997	KHU 2
117	THÁI THỊ CÂY	1942	KHU 2
118	ĐẶNG MAU	1950	KHU 2
119	TRẦN ANH VŨ	1977	KHU 2
120	NGUYỄN VĂN BẢNG	1963	KHU 2
121	LÊ THỊ THU LOAN	1969	KHU 2
122	LÊ THỊ THU THẢO	1972	KHU 2
123	PHẠM NGỌC CƯ	1947	KHU 2
124	PHẠM TUẤN ĐẠT	1970	KHU 2
125	PHẠM THỊ HIỆP	1952	KHU 2
126	NGÔ THỊ THU DUNG	1992	KHU 2
127	NGÔ VĨNH PHƯƠNG	1968	KHU 2
128	NGUYỄN THỊ THẤN	1954	KHU 2
129	LÊ VĂN XÍ	1982	KHU 2
130	VÕ QUANG THANH	1975	KHU 2
131	PHẠM HÙNG SƠN	1958	KHU 2
132	PHẠM TUẤN BỬU	1983	KHU 2
133	LÊ THỊ BẢO THI	1980	KHU 2
134	PHẠM THỊ TRANG	1953	KHU 2
135	ĐỖ TRỌNG TÂM	1967	KHU 2
136	TRẦN QUỐC VIỆT	1982	KHU 2
137	PHẠM NGỌC TIÊN	1963	KHU 2
138	NGUYỄN VĂN BÍCH	1971	KHU 2
139	TRẦN CU (NGA)	1977	KHU 2
140	PHẠM NHƯ PHƯƠNG	1979	KHU 2
141	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1954	KHU 2
142	NGUYỄN CHIM	1965	KHU 2
143	LÊ THÁI	1978	KHU 2
144	PHẠM NGỌC ĐỨC	1965	KHU 2
145	PHẠM NGỌC VƯƠNG	1972	KHU 2
146	PHẠM NGỌC QUỐC	1968	KHU 2
147	NGUYỄN NGỌC SƠN(NGA)	1959	KHU 2
148	NGUYỄN TRUNG KẾT	1971	KHU 2

149	CAO THỊ LỄ	1933	KHU 2
150	PHẠM NGỌC BÌNH	1968	KHU 2
151	NGUYỄN NAM	1966	KHU 2
152	NGÔ THANH LAM	1977	KHU 2
153	NGUYỄN THỊ NHANH	1963	KHU 2
154	NGUYỄN THỊ SỸ	1957	KHU 2
155	LÊ VĂN SỸ	1964	KHU 2
156	LÊ HUY TÙNG	1975	KHU 2
157	NGUYỄN THỊ VŨ	1946	KHU 2
158	NGUYỄN ANH TUẤN(MỲ)	1971	KHU 2
159	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG(CÔNG)	1954	KHU 2
160	CAO THỊ MỸ DIỆU	1972	KHU 2
161	PHAN NGỌC NGOAN	1965	KHU 2
162	ĐỖ THỊ LƯỜNG	1950	KHU 2
163	NGUYỄN THỊ TÝ	1950	KHU 2
164	VÕ THANH TÙNG(TỴ)	1992	KHU 2
165	NGUYỄN DUY LINH	1969	KHU 2
166	HỒ CÔNG VINH	1968	KHU 2
167	NGUYỄN DUY HÙNG	1950	KHU 2
168	TRẦN SƠN	1966	KHU 2
169	VÕ THỊ Á	1980	KHU 2
170	NGUYỄN ĐỪNG	1960	KHU 2
171	NGUYỄN VĂN DUYÊN(ĐÀO)	1982	KHU 2
172	NGUYỄN THỊ HƯỜNG(RANG)	1954	KHU 2
173	LÊ VĂN HOÀ	1985	KHU 2
174	NGUYỄN THANH HẢI (PHẬN)	1973	KHU 2
175	NGUYỄN VĂN ANH(HIỀN)	1976	KHU 2
176	HUỲNH VĂN SƠN(VÚ)	1972	KHU 2
177	TÔ CHÍN	1962	KHU 2
178	NGUYỄN VĂN TOÀN(HUY)	1972	KHU 2
179	NGUYỄN THỊ MÓN	1966	KHU 2
180	NGUYỄN CON	1964	KHU 2
181	ĐỖ QUANG THIỆN	1969	KHU 2
182	MAI VĂN HÙNG	1974	KHU 2
183	NGUYỄN VĂN CHÍN	1971	KHU 2
184	ĐỖ DẶN	1966	KHU 2
185	HUỲNH TRỌNG KỲ	1984	KHU 2
186	ĐINH THỊ BẢY	1961	KHU 2
187	ĐINH THỊ ĐỨNG	1947	KHU 2
188	ĐỖ CHÍ DŨNG	1952	KHU 2
189	HUỲNH NGỌC BÍCH	1972	KHU 2
190	LÊ THỊ NHẪN	1970	KHU 2
191	NGUYỄN THANH(NGỌC)	1994	KHU 2
192	LÊ LẶC	1950	KHU 2
193	NGUYỄN THỊ CẬN	1957	KHU 2
194	LÊ AN HOÀ	1977	KHU 2
195	TRẦN BI	1943	KHU 2
196	TRẦN MINH VƯƠNG	1978	KHU 2
197	NGUYỄN VĂN THÁI(TỶ)	1982	KHU 2
198	PHẠM HÙNG(NGUYỆT)	1975	KHU 2

199	MẠNH HẢI	1972	KHU 2
200	ĐỖ QUANG HẬU	1972	KHU 2
201	NGUYỄN MINH THẢO	1972	KHU 2
202	ĐOÀN TRUNG(BÔNG)	1984	KHU 2
203	NGUYỄN THẾ MỸ	1982	KHU 2
204	VÕ ĐẠI	1984	KHU 2
205	PHẠM ĐỨC TOÀN	1982	KHU 2
206	NGUYỄN VĂN THANH	1957	KHU 2
207	NGUYỄN XẸO	1966	KHU 2
208	HỒ THỊ DƯ	1971	KHU 2
209	TRẦN VĂN DANH	1978	KHU 2
210	CAO VĂN HÙNG	1970	KHU 2
211	NGUYỄN ĐỨC BẢO	1985	KHU 2
212	VÕ THÁI HƯỞNG	1963	KHU 2
213	NGUYỄN NGỌC DŨNG	1964	KHU 2
214	NGUYỄN THẾ VIỄN	1985	KHU 2
215	LÊ XUÂN HÙNG	1985	KHU 2
216	HỒ THỊ VUI	1960	KHU 2
217	PHAN VĂN HÀ	1974	KHU 2
218	PHAN HUY DIỆU	1962	KHU 2
219	NGUYỄN THỊ KIM CHI	1964	KHU 2
220	CAO NGỌC TRƠN	1967	KHU 2
221	PHẠM CHÂU TUẤN	1976	KHU 2
222	PHẠM THỊ CÚC(LỜ)	1970	KHU 2
223	ĐINH PHONG LỢI	1984	KHU 2
224	NGUYỄN VĂN HIỆP(XU)	1972	KHU 2
225	PHẠM VĂN THANH	1982	KHU 2
226	PHẠM VĂN QUẦM	1961	KHU 2
227	PHẠM DUY KHÔI	1989	KHU 2
228	NGUYỄN DƯ	1970	KHU 2
229	NGUYỄN THANH TÙNG	1977	KHU 2
230	PHẠM THỊ DUNG(KÝ)	1985	KHU 2
231	LÊ XUÂN PHÁT	1994	KHU 2
232	ĐỖ HỮU ĐIỀN	1968	KHU 2
233	NGUYỄN THÀNH DÂN	1952	KHU 2
234	ĐẶNG THỊ HÁ	1948	KHU 2
235	LÊ THỊ SƯƠNG TUYẾT	1986	KHU 2
236	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG(CÂM)	1950	KHU 2
237	NGUYỄN NGỌC TOÀN	1996	KHU 2
238	ĐẶNG VĂN THÌ	1957	KHU 2
239	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	1985	KHU 2
240	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	1968	KHU 2

TÀI SẢN THIỆT HẠI	GHI CHÚ
	?

	HN
	HN

	HN
	HN

	HN